BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

LÊ HUYỀN TRANG

ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHIAWX – NGỮ DỤNG CỦA LIÊN TỪ TRONG TIẾNG VIỆT

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

Thừa Thiên Huế, 2019

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Lịch sử nghiên cứu 2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 6
5. Phương pháp nghiên cứu 6
6. Nguồn tư liệu 7
7. Bố cục luận văn 7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÍ LUẬN 8
1.1. Lí thuyết về liên từ tiếng Việt 8
1.1.1. Khái quái về quan hệ từ 8
1.1.2. Phân loại quan hệ từ 9
1.1.3. Khái niệm liên từ tiếng Việt 12
1.1.4. Đặc điểm chung của liên từ tiếng Việt 14
1.2. Lí thuyết về ngữ nghĩa có liên quan 18
1.2.1. Nghĩa của từ 18
1.2.2. Các thành phần ý nghĩa trong từ 19
1.2.3. Các kiểu nghĩa của từ 21
1.3. Một số khái niệm về ngữ dụng 22
1.3.1. Chiếu vật, chỉ xuất 23
1.3.2. Lí thuyết lập luận 24
1.4. Tiểu kết 30
CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM NGỮ NGHĨA CỦA LIÊN TỪ TIẾNG VIỆT 32
2.1. Hệ thống và phân loại liên từ tiếng Việt 32
2.1.1. Hệ thống liên từ tiếng Việt 32
2.1.2. Phân loại liên từ tiếng Việt 35

2.2. Đặc điểm ý nghĩa của các liên từ tiếng Việt 46
2.2.1. Đặc điểm ý nghĩa của các liên từ đơn 46
2.2.2. Đặc điểm ý nghĩa của các liên từ sóng đôi 55
2.3. Tiểu kết 60
CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐIỂM NGỮ DỤNG CỦA LIÊN TỪ TIẾNG VIỆT . 62
3.1. Phân loại kết tử trong lập luận 62
3.1.1. Theo tiêu chí chức năng 62
3.1.2. Theo tiêu chí cấu trúc 63
3.1.3. Theo tiêu chí khả năng định hướng lập luận 63
3.2. Liên từ - kết tử liên kết trong lập luận 64
3.2.1. Các chức năng cơ bản của kết tử - liên từ trong lập luận 64
3.2.2. Kết tử hai vị trí 66
3.2.3. Kết tử ba vị trí 79
3.3. Giá trị ngữ dụng của liên từ 88
3.4. Tiểu kết 93
KẾT LUẬN 96
TÀI LIỆU THAM KHẢO 99
NGUỒN NGỮ LIỆU 102
PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Bảng thống kê liên từ tiếng Việt của Hoàng Trọng Phiến 32
Bảng 2.2: Bảng liệt kê liên từ tiếng Việt qua thu thập ngữ liệu 35
Bảng 2.3: Khả năng liên kết và biểu thị ý nghĩa quan hệ của liên từ 39
Bảng 3.1: Các nhóm KT2VT dẫn nhập LC trong tiếng Việt..... 67
Bảng 3.2: Các nhóm KT2VT dẫn nhập KL trong tiếng Việt..... 69
Bảng 3.3: Chức năng nối kết của KT2VT trong lập luận đồng hướng..... 75
Bảng 3.4: Khả năng biểu thị quan hệ lập luận của KT2VT trong các dạng lập luận 79
Bảng 3.5: Các KT3VT đồng hướng trong tiếng Việt 80
Bảng 3.6: Các KT3VT nghịch hướng trong tiếng Việt..... 82
Bảng 3.7: Chức năng dẫn nhập thành phần của KT3VT trong các dạng lập luận... 83
Bảng 3.8: Chức năng nối kết thành phần của KT3VT đồng hướng 85
Bảng 3.9: Chức năng nối kết thành phần của KT3VT nghịch hướng 86
Bảng 3.10: Chức năng nối kết thành phần của KT3VT đồng hướng 86
Bảng 3.11: Chức năng biểu thị quan hệ lập luận của KT3VT trong các dạng lập luận..... 87

QUY ƯỚC KÍ HIỆU, VIẾT TẮT

LC (p, q): Luận cứ	KL (r): Kết luận
KT2VT: Kết tử hai vị trí	KT3VT: Kết tử ba vị trí

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, tiếng Việt luôn mang trong mình những vẻ đẹp tiềm ẩn, không chỉ ở sự đa dạng, phong phú của từ loại mà còn ở những sắc thái nghĩa hết sức tinh tế và hàm súc. Đồng thời, thông qua nét đẹp "ẩn chứa", "tiềm tàng" ấy, tiếng Việt luôn là nguồn cảm hứng, nguồn khơi gợi, giúp các nhà Việt ngữ học đi tìm tòi, khám phá cái đẹp, cái mới của tiếng Việt trên các bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, phong cách,… và những kết quả đạt được cho đến ngày nay chính là sự kế thừa những thành tựu của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Một trong những vấn đề lớn khi nghiên cứu tiếng Việt là vấn đề từ loại. Các nhà Việt ngữ học đã thống nhất khi chia tiếng Việt thành hai loại lớn: thực từ và hư từ.

Theo ngữ pháp truyền thống tiếng Việt, hư từ thường được đề cập như một phạm trù đối lập với thực từ. Nếu như thực từ là sự thống nhất của "tính chất từ vựng – ngữ pháp, là sự kết hợp của nội dung phản ánh thực tại (từ vựng) với cách thức phản ánh của người bản ngữ" thì hư từ thiên về tính chất ngữ pháp. Hư từ tuy chiếm một số lượng nhỏ so với thực từ nhưng đóng vai trò rất quan trọng và có tần số xuất hiện rất cao trong sử dụng, đặc biệt là đối với một ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt. Chính vì vậy, việc nghiên cứu hư từ cần được cân nhắc không chỉ bó hẹp trong các kết cấu ngữ pháp, mà còn phải được mở rộng trong phạm vi ngữ nghĩa học và ngữ dụng học.

Một trong những nhóm hư từ tiếng Việt không thể không nhắc đến là quan hệ từ, cụ thể là liên từ - một lớp từ thường được biết đến là công cụ dùng để biểu hiện các quan hệ ngữ pháp, hay nói một cách khác liên từ đảm nhiệm một chức năng quan trọng về cú pháp. Vì vậy, khi nói và viết, muốn diễn đạt câu một cách trọn vẹn cả về hình thức lẫn nội dung thì không thể không sử dụng liên từ.

Thế nhưng, nếu chỉ đơn thuần nghiên cứu lớp từ này trên phương diện ngữ pháp thì có lẽ chúng ta đã bỏ lỡ mất một "kho tàng" trong hệ thống ngôn từ tiếng Việt, bởi lẽ, sự hiện diện của liên từ trong câu đã tạo nên nhiều lớp nghĩa, không chỉ nghĩa ngữ pháp, nghĩa tình thái mà khi đặt trong từng văn cảnh cụ thể, liên từ góp phần đưa ta

đến những miền đất mà ở đó giúp ta hiểu hơn về nội tâm nhân vật. Bên cạnh đó, khi tham gia vào lập luận, liên từ có thể đảm nhận chức năng kết tử lập luận; tùy thuộc vào cách lựa chọn liên từ (kết tử) sẽ tạo ra những kết luận phát ngôn khác nhau.

Vậy khi các nhà ngữ pháp đều thừa nhận rằng quan hệ từ (liên từ - giới từ) không có ý nghĩa từ vựng, mà chỉ là công cụ để biểu hiện các quan hệ ngữ pháp khác nhau thì có phiến diện hay không? Liên từ ngoài mang trong mình những ngữ pháp truyền thống thì còn mang giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng nào không, đặc biệt khả năng hành chức trong hoạt động giao tiếp, liên từ có thể mang lại những giá trị và chức năng nào? Chỉ xét riêng về tên gọi "liên từ" hay việc có nên tách quan hệ từ thành liên từ - giới từ hay gộp chung làm một cũng đã tạo ra nhiều quan điểm, nhiều ý kiến trái chiều nhau của các nhà Việt ngữ học. Điều này cho thấy tính chất phức tạp của quan hệ từ nói chung và liên từ nói riêng.

Từ những lí do trên, chúng tôi đã chọn vấn đề: ***Đặc điểm ngữ nghĩa – ngữ dụng của liên từ trong tiếng Việt*** làm đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, vì năng lực còn hạn chế nên ở đề tài này, chúng tôi sẽ không nghiên cứu tất cả các liên từ trong hệ thống từ loại tiếng Việt mà chỉ đi sâu tìm hiểu những liên từ thường được sử dụng trong hoạt động giao tiếp.

2. Lịch sử nghiên cứu

Những công trình nghiên cứu về quan hệ từ trong tiếng Việt đã được các nhà Việt ngữ học nghiên cứu từ lâu. Hầu hết trong các công trình ngữ pháp tiếng Việt đều có đề cập đến lớp từ này.

Đầu tiên, tiêu biểu cho công trình này có thể kể đến Nguyễn Tài Cẩn trong cuốn "Ngữ pháp tiếng Việt (Tiếng – Từ ghép – Đoản ngữ) quan niệm: quan hệ từ (bao gồm liên từ và giới từ) là những từ có khả năng đi kèm với đoản ngữ với tư cách là những cái dấu nối hai chiều, nối đoản ngữ với một đơn vị nào đấy ở trước để tạo thành một đơn vị lớn hơn. Ông viết: "những từ này có thể xem như là những dấu hiệu nhận thức chứng tỏ rằng đoản ngữ sau chúng đã được đặt trước vào một thế phân bố nhất định" [5, tr.326].

Trong công trình nghiên cứu tập thể "Ngữ pháp tiếng Việt" của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983), các tác giả đã sử dụng thuật ngữ kết từ thay cho cách gọi quan hệ từ như ta thường gặp và có cách phân loại hết sức cô đọng như sau [47, tr.91]:

- Kết từ chính phụ tức là kết từ biểu thị quan hệ chính phụ: đó là những từ: *do, của, để, bởi, bởi vì, tại vì, mà, đối với,…*

- Kết từ liên hợp tức là kết từ biểu thị quan hệ liên hợp. Đó là những từ: *và, với, hay, hoặc, cùng, nhưng, song,…* và những từ dùng thành cặp như: *nếu…thì, tuy…nhưng, vì…cho nên, không những…mà còn, càng…càng*

Qua cách phân loại trên có thể nhận thấy, những kết từ chính phụ có sự gần gũi với giới từ và những kết từ liên hợp gần gũi với liên từ

Đồng quan điểm với các nhà nghiên cứu trên khi sử dụng thuật ngữ quan hệ từ, năm 1986 trong cuốn "Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)", Đinh Văn Đức cho rằng: "so với các ngôn ngữ châu Âu việc tìm ranh giới triệt để giữa liên từ và quan hệ từ trong tiếng Việt là khó, do tính chất đa năng của các yếu tố". Từ đó, tác giả kết luận: "tất cả các hư từ cú pháp có thể tập hợp trong một phạm trù chung là quan hệ từ" [18, tr.186]

Khi tiến hành phân loại quan hệ từ, ông đã chia ra các tiểu loại như sau:

- Các liên từ thuần túy.
- Các giới từ thuần túy.
- Các liên từ - giới từ.

Lê Biên đã có suy nghĩ tương tự như Đinh Văn Đức khi cho rằng "việc tách ra thành giới từ và liên từ thiếu những căn cứ khách quan, vả lại cũng không có tác dụng lớn lao gì cả về lý thuyết và thực tiễn, cho nên để chung một loại từ". Tác giả cũng gọi đó là "quan hệ từ", đồng thời xác định quan hệ từ "là những hư từ, không có nghĩa sở chỉ, sở biểu mà là những từ có chức năng diễn đạt các mối quan hệ giữa các khái niệm trừu tượng tư duy.

Trong cuốn "Từ loại tiếng Việt hiện đại" (1999), ông đã chỉ ra quan hệ từ bao gồm những từ: *và, với, cùng, của, bằng, ở, tại, do, bởi, vì, thì, mà, tuy, nhưng, song, dù, mặc dù, hay, hoặc, nếu, hễ, giá, như, không những…mà còn, tuy…nhưng* [4, tr.160]

Cũng dùng thuật ngữ kết từ, Diệp Quang Ban trong công trình "Ngữ pháp tiếng Việt" (2001) cho rằng "kết từ (còn gọi là quan hệ từ) là những hư từ dùng để liên kết các từ với nhau hoặc các vế trong câu. Trong nhiều ngôn ngữ, kết từ được phân biệt rõ thành liên từ và giới từ. Cách phân định này không thuận lợi đối với tiếng Việt. Tuy nhiên ở những chỗ cần thiết người ta vẫn phải nhắc đến tên gọi giới

từ và liên từ" [1, tr.43]. Tiếp đến, trên thực tế, khi tiến hành phân loại, tác giả đã chia kết từ thành hai tiểu loại như sau [1, tr.46].

- Giới từ: dùng để nối định ngữ với danh từ - thành tố chính hoặc bổ ngữ gián tiếp với động từ - thành tố chính, một bổ ngữ cảnh huống với động từ - thành tố chính, như: *của, bằng, do, vì, tại, bởi, để, từ, đến, ...*

- Liên từ: dùng để nối các yếu tố ngôn ngữ có quan hệ bình đẳng với nhau về ngữ pháp…, như: *và, với, cùng, cùng với, cũng như, còn, mà, hay, hay là, hoặc, hoặc là,...* Trên cơ sở đó ông còn chia liên từ thành nhiều nhóm nhỏ: liên từ qua lại, liên từ tương phản, liên từ kéo theo.

Theo cách phân loại của Diệp Quang Ban phần nào đã thấy được sự phức tạp giữa ranh giới liên từ - giới từ khi "với" vừa được xếp vào liên từ vừa được xếp vào giới từ. Thế nhưng, đến cuốn "Ngữ pháp tiếng Việt (tập một)" (2009), chúng ta không hề bắt gặp các thuật ngữ "liên từ", "giới từ" mà thay vào đó là "kết từ đẳng lập" và "kết từ chính phụ". Cũng như Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, chúng ta dễ dàng nhận ra, kết từ đẳng lập chính là liên từ.

Đến với tác giả Nguyễn Hữu Quỳnh, trong cuốn "Tiếng Việt hiện đại" (2001), xác định "quan hệ từ là những từ chỉ các quan hệ ngữ pháp chuyên dùng để nối tiếp các thành phần trong câu hay các thành tố trong cụm từ (còn gọi là từ nối, kết từ hoặc giới từ và liên từ)" [38, tr.172]. Kết thúc chương quan hệ từ, tác giả còn chú thích: "Ngữ pháp tiếng Việt trước kia chia quan hệ từ thành giới từ (nối các thành tố trong cụm từ) và liên từ (nối các thành tố trong thành phần câu)".

Hồ Lê trong công trình nghiên cứu "Cú pháp tiếng Việt" (1992), đã sử dụng thuật ngữ rất khác với các tác giả đi trước. Ông cho rằng, kết từ trong tiếng Việt gồm 3 tiểu loại, mỗi tiểu loại có chức năng cụ thể sau [28, tr.372-403]

- Kết từ nối tiếp: dùng để nối những bộ phận ghép, gồm có: *và, với, cùng, nhưng, song,...*

- Kết từ chính phụ: dùng để nối bộ phận chính – bộ phận phụ trong các từ tổ danh từ, động từ, tính từ, gồm những từ như: *của, về, với, cho, ở, bằng, để, vì,...*

- Kết từ đề - thuyết: dùng để nối phần đề với phần thuyết, gồm những từ như: *thì, là, mà, nếu...thì, hễ...thì, tuy...nhưng*

Ngược lại với các tác giả trên, nhóm tác giả Bùi Đức Tịnh, Nguyễn Kim Thản, Phạm Tất Đắc, Trần Trọng Kim,… không dùng thuật ngữ kết từ mà lưỡng phân kết từ thành hai loại là giới từ và liên từ.

Tiếp thu từ những thành tựu to lớn của các công trình nghiên cứu trên, đến nay, đã có nhiều bài báo khoa học in trên tạp chí Ngôn ngữ, Ngôn ngữ & đời sống bàn về vấn đề liên từ. Như Lương Đình Khánh với bài viết "Quan hệ nghĩa giữa các phát ngôn, giá trị tu từ của từ VÀ trong liên kết văn bản tiếng Việt" (2005) in trên Ngôn ngữ (4) cho rằng quan hệ từ VÀ đảm nhận bốn kiểu quan hệ: nguyên nhân, tương phản, bổ sung, thời gian. Cũng bàn về quan hệ từ nhưng từ góc độ khác, Nguyễn Thị Thu Hà lại bàn về "Cách biểu hiện quan hệ nhân quả bằng quan hệ từ trong tiếng Việt" (2009) in trên Ngôn ngữ & Đời sống (8), tác giả đã kết luận rằng: quan hệ nhân quả có thể biểu hiện bằng hai nhóm quan hệ từ: quan hệ từ chỉ nguyên nhân và quan hệ từ chỉ kết quả.

Tiếp thu những quan điểm truyền thống của các nhà ngữ pháp học, Nguyễn Đức Dân trong hai bài viết "Lô gích ngữ nghĩa của từ THÌ" (kì I và kì II) (2008), in trên Ngôn ngữ (11) và Ngôn ngữ (12) đã có những hướng nghiên cứu mới lạ và thú vị, mở ra cho chúng ta cách nhìn mới về sự vận hành của ngôn ngữ và từ loại tiếng Việt.

Đi theo hướng nghiên cứu của Diệp Quang Ban, Nguyễn Thị Thùy Trang trong bài viết "Kết tử vì trong lập luận tiếng Việt" (2012), Ngôn ngữ (3), đã sử dụng thuật ngữ kết tử. Tác giả đưa ra nhận định: "Trong lập luân, kết tử là những yếu tố thực hiện chức năng liên kết các phát ngôn thành luận cứ (LC, được kí hiệu là p) và kết luận (KL, được kí hiệu là r) của lập luận. Kết tử lập luận là những dấu hiệu có tính quy ước, được các thành viên trong một cộng đồng ngôn ngữ chấp nhận" [42, tr.59].

Qua việc điểm lại các công trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt của các nhà Việt ngữ học, có thể thấy rằng, nếu chỉ xem liên từ là "công cụ thuần túy ngữ pháp" và tách liên từ ra khỏi hiệu lực lập luận thì đã làm mất đi giá trị và chức năng ngôn ngữ của liên từ tiếng Việt trong bức tranh ngôn ngữ đa sắc màu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là liên từ trong tiếng Việt.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong luận văn, liên từ tiếng Việt sẽ được khảo sát chủ yếu trong phạm vi các tác phẩm nghệ thuật, trong ca dao tục ngữ. Luận văn tập trung phân tích, lý giải các ý nghĩa biểu thị quan hệ của liên từ đơn, liên từ sóng đôi; và chức năng cơ bản của liên từ (kết tử) lập luận tiếng Việt trong các dạng lập luận giản đơn.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Trong các công trình nghiên cứu trước đây, liên từ chỉ được xem là công cụ biểu hiện các quan hệ ngữ pháp khác nhau và chỉ miêu tả cách sử dụng một cách riêng lẻ. Chính vì vậy, mục đích của đề tài này là hệ thống hóa liên từ tiếng Việt; nhìn nhận lại lớp từ này một cách toàn diện hơn; chỉ ra những điểm chung và điểm riêng biệt của các nhóm liên từ; đồng thời phân tích và lí giải các chức năng cơ bản của chúng trong các dạng lập luận giản đơn; qua đó giúp cho việc nhận diện, nắm bắt đạt được hiệu quả trong quá trình sử dụng và lĩnh hội lập luận.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn xác định các nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề lý thuyết cơ bản về liên từ và lập luận, đặc biệt là cách phân loại ý nghĩa quan hệ và kết tử lập luận.
- Nhận diện, thống kê và phân loại liên từ và kết tử lập luận trong tiếng Việt.
- Miêu tả những đặc điểm cơ bản ngữ nghĩa – ngữ dụng của liên từ tiếng Việt. Phân tích, lý giải các ý nghĩa biểu thị quan hệ của các nhóm liên từ và các chức năng cơ bản của kết tử lập luận tiếng Việt trong các dạng lập luận giản đơn

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu đề ra, ngoài những phương pháp và thủ pháp nghiên cứu khoa học chung, như: thu thập dữ liệu, phân loại, luận văn chủ yếu sử dụng phương pháp miêu tả để chỉ ra những đặc điểm về ngữ nghĩa – ngữ dụng của liên từ trong tiếng Việt, đồng thời, đề tài đã sử dụng một số thủ pháp như:

- Thủ pháp phân tích ngôn cảnh: được sử dụng để phân tích liên từ trong những ngữ cảnh nhất định sẽ mang giá trị ngữ nghĩa khác nhau. Đồng thời, trong những cảnh huống liên từ có thể vắng mặt nhưng có những trường hợp bắt buộc phải sử dụng liên từ.

- Thủ pháp phân loại và hệ thống hóa: được sử dụng để hệ thống hóa liên từ và kết tử lập luận trong tiếng Việt.

- Thủ pháp phân tích nét nghĩa: để phân tích và làm rõ các nét nghĩa trong các nhóm quan hệ khác nhau của liên từ.

- Thủ pháp thay thế, cải biến: được sử dụng trong việc phân tích đặc điểm và đánh giá vai trò của kết tử trong lập luận.

6. Nguồn tư liệu

Trong nghiên cứu, chúng tôi chủ yếu sử dụng các nguồn tư liệu trích dẫn nguyên bản từ các tác phẩm văn học, báo chí, một số sách ngữ pháp tiếng Việt (từ loại tiếng Việt), từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê, một số bài nghiên cứu khoa học và các bài nghiên cứu trong tạp chí về liên từ trong tiếng Việt.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của luận văn được trình bày trong 3 chương:

***Chương 1:* Cơ sở lí luận**

Chương này trình bày những vấn đề lý thuyết cơ bản về liên từ và một số vấn đề liên quan đến ngữ nghĩa – ngữ dụng của liên từ làm cơ sở triển khai nội dung luận văn.

***Chương 2:* Đặc điểm ngữ nghĩa của liên từ tiếng Việt**

Trên cơ sở nhận diện, thống kê và phân loại liên từ tiếng Việt, chương 2 sẽ tập trung phân tích, lí giải đặc điểm chung và đặc điểm riêng trong việc biểu thị ý nghĩa quan hệ của nhóm liên từ đơn và liên từ sóng đôi.

***Chương 3:* Đặc điểm ngữ dụng của liên từ tiếng Việt**

Trên cơ sở nhận diện, thống kê và phân loại kết tử hai vị trí (KT2VT) và kết tử ba vị trí (KT3VT) tiếng Việt, chương 3 sẽ tập trung phân tích, lí giải các chức năng cơ bản của KT2VT và KT3VT trong lập luận tối giản, lập luận đồng hướng và lập luận nghịch hướng, qua đó khẳng định vai trò của nhóm kết tử này trong lập luận.